TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 189/2026/QĐST-HNGĐ	*Cà Mau, ngày 02 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 334/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Mai Hồng T, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096302007553, cấp ngày 01/3/2023.

- *Bị đơn*: Anh Lê Chí C, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau. Căn cước số 096201004368, cấp ngày 13/02/2026.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Hồng T và anh Lê Chí C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Mai Hồng T và anh Lê Chí C thuận tình ly hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 19/10/2022 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau).

- Về con chung: Giao Lê Nhật H, sinh ngày 15/11/2023 cho chị Mai Hồng T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh Lê Chí C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận; về nợ và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Mai Hồng T và anh Lê Chí C mỗi người phải chịu 75.000 đồng; chị T tự nguyện chịu thay cho anh C, tổng cộng chị T phải chịu 150.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005445 ngày 05/5/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau, chị T được nhận lại số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Trần Phán, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn